

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 224 /2020/HNGĐ-ST

Ngày 12 - 5 - 2020

V/v **Tranh chấp ly hôn**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thanh Nhàn;**

Các hội thẩm nhân dân:

+ Ông: **Nguyễn Văn Y;**

+ Ông : **Đỗ Thanh Hiền;**

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: ông **Võ Trương Tấn Thành** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: không tham gia.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 858/2019/TLST – HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp ly hôn”

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2020/QĐST-HN ngày 09 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Phan Văn N** sinh năm 1973. Địa chỉ: ấp TTA, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: **Nguyễn Thị M** sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp TTA, xã BĐ, huyện CT, tỉnh Tiền Giang.

(Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa; Bị đơn vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2019, Tờ tự khai cũng như trong quá trình giải quyết nguyên đơn Phan Văn N trình bày:**

Ông và bà Nguyễn Thị M sống chung với nhau từ năm 1996, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã theo đúng quy định pháp luật. Từ khi kết hôn, ông bà sống hạnh phúc cho đến năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính tình, ông bà thường xuyên cự cãi; Vợ chồng không còn tình cảm, không còn yêu thương, chăm sóc lẫn nhau; Gia đình đã hòa giải nhiều lần nhưng không hòa thuận được. Ông và bà M không còn sống chung với nhau từ năm 2018. Trong thời gian sống chung vợ chồng có 02 con chung tên Phan Nguyên S sinh năm 1997; Phan Thụy Quỳnh G sinh năm 1999 đã thành niên, có việc làm tự nuôi sống bản thân. Thời gian ly thân đã lâu, ông thấy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn nên ông làm đơn yêu cầu Tòa giải quyết:

- Về hôn nhân: Yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị M.
- Về nuôi con chung: các con đã thành niên, không yêu cầu giải quyết;
- Tài sản chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.
- Nợ chung: không có tranh chấp, không yêu cầu giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn, Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và Triệu tập họp lệ bà Nguyễn Thị M nhiều lần để tham gia hòa giải, tham dự phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị M vắng mặt không có lý do và cũng không có tự khai trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Ông Phan Văn N yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị M. Hội đồng xét xử (HĐXX) xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp ly hôn.

[2] Về thủ tục tố tụng: Xét bị đơn Nguyễn Thị M đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt mà không vì lý do bất khả kháng. HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy ông Phan Văn N và bà Nguyễn Thị M sống chung có đăng ký kết hôn năm 1996 theo đúng quy định Luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa ông N và bà M không còn khả năng đoàn tụ. Bởi lẽ ông bà chung sống không hạnh phúc, vợ chồng không hợp tính tình, không có tiếng nói chung. Ông N cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông bà không hợp tính tình, thường xuyên cự cãi. Gia đình đã động viên, hòa giải để vợ chồng hàn gắn tình cảm nhưng ông bà không đoàn tụ được. Ông bà cắt đứt quan hệ vợ chồng đã hơn một năm. Tòa án tổ chức hòa giải để ông bà đoàn tụ nhưng bà M không tham gia hòa giải, không có thiện chí để vợ chồng đoàn tụ. Điều đó chứng tỏ tình cảm giữa ông N và bà M không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 51, 56 Luật hôn nhân và Gia đình. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Phan Văn N.

[3] Về nuôi con chung: Ông bà có hai con chung là Phan Nguyên S và Phan Thụy Quỳnh G đã đủ 18 tuổi và đã có việc làm tự nuôi sống bản thân. Các bên không có yêu cầu xem xét việc nuôi con. HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết. HĐXX không xem xét.

[6] Về án phí: Ông Phan Văn N phải chịu án phí DSST trong vụ án ly hôn theo quy định khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

**Áp dụng: Điều 5, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự;
Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016
của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí.**

Xử: Chấp nhận yêu cầu của Ông Phan Văn N.

- **Về hôn nhân:** Cho ông Phan Văn N ly hôn với bà Nguyễn Thị M.
- **Về nuôi con chung:** không xem xét.
- **Tài sản chung:** không xem xét.
- **Về nợ chung:** Không xem xét.

- **Về án phí:** Ông Phan Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn. Được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí ông Phan Văn N đã nộp theo biên lai thu số 01708 ngày 24/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

- **Về quyền kháng cáo:** Ông Phan Văn N có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị M có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND.TG
- VKSND.huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS. huyện châu Thành;
- UBND xã Song Thuận;
- Các Đ/S
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Nguyễn Thanh Nhàn